

Số: 399/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 04 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân bổ nguồn kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế  
đến từng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020;

Căn cứ Công văn số 388/BHXH-CSYT ngày 11/02/2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc đề nghị thực hiện dự toán chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020;

Xét đề nghị của Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-BHXH ngày 24/02/2020,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phân bổ nguồn kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (bao gồm số chi khám bệnh, chữa bệnh tại địa phương) đến từng cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và dự toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; thực hiện nghiêm túc quy định về tạm ứng, thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan có liên quan tăng cường công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; có giải pháp để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế.



3. Sở Tài chính thực hiện chuyển đủ và kịp thời kinh phí ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách Nhà nước đảm bảo; tham gia quản lý Quỹ bảo hiểm y tế theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn theo thẩm quyền quy định. Tăng cường công tác truyền thông về bảo hiểm y tế, có giải pháp vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế phù hợp với từng nhóm đối tượng để đẩy mạnh chỉ tiêu phát triển bảo hiểm y tế của địa phương được giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2016-2020.

5. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chuyển dữ liệu cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định để phục vụ cho việc giám định, thanh toán đảm bảo chính xác, kịp thời.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm ngân sách 2020.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP; các Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT (T-06<sub>02/3</sub>). *62*



*Trần Tuyết Minh*

**Phụ lục**  
**PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**  
**NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 04/3/2020  
của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở KCB	Nguồn kinh phí chi KCB BHYT năm 2020
<b>I</b>	<b>Chi KCB tại các cơ sở y tế</b>		
1	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	120.032
2	TTYT huyện Hớn Quản	70002	15.614
3	TTYT huyện Bù Đăng	70003	29.882
4	TTYT huyện Đồng Phú	70004	11.696
5	TTYT huyện Lộc Ninh	70006	30.028
6	TTYT huyện Bù Đốp	70007	13.266
7	TTYT huyện Chơn Thành	70008	18.621
8	TTYT TP Đồng Xoài	70009	12.236
9	BVĐK cao su Lộc Ninh	70010	5.925
10	BVĐK cao su Đồng Phú	70011	1.529
11	BVĐK cao su Bình Long	70012	7.761
12	BVĐK cao su Phú Riềng	70013	9.665
13	BVYH cô truyền tỉnh	70030	30.129
14	TTYT thị xã Bình Long	70071	35.092
15	TTYT thị xã Phước Long	70072	26.767
16	BV Hoàn Mỹ Bình Phước	70079	27.210
17	PK thuộc Ban BVCSSK CB tỉnh	70080	9.465
18	PKĐK 123 Hùng Vương	70082	6.048
19	PKĐK Hồng Lý	70083	2.124
20	TTYT huyện Bù Gia Mập	70084	5.880
21	PKĐK Tâm Việt	70085	10.159
22	PKĐK Sài Gòn	70086	9.891
23	PKĐK Thảo Tiên	70087	7.734
24	PKĐK Minh Tâm	70088	14.548
25	BX Công an tỉnh Bình Phước	70089	532
26	BV Quân dân y 16	97818	19.131
27	PKĐK Tâm Đức	70081	3.726
28	PKĐK Vạn Hạnh	70092	3.625
29	PKĐK Việt Anh	70093	7.085
30	PKĐK Hưng Sương	70096	2.243
31	PKĐK Tâm An Phước	70090	4.040
<b>II</b>	<b>Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>		11.078
<b>III</b>	<b>Dự phòng tại tỉnh</b>		18.932
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>531.694</b>

Small handwritten mark or signature in the top right corner.

Faint circular stamp or mark on the left side of the page.

